

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 3 – 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 512/2022/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Mỹ H, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp Tân B, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Trọng N, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp Tân H, xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Mỹ H và anh Phạm Trọng N chung sống với nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2020, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh chị không hòa hợp nhau, bất đồng ý kiến trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay cãi vã với nhau. Sự việc mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng anh N vẫn không sửa đổi, hiện chị và anh N đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung, chị H khai có một người con là Phạm Đình Trọng, sinh ngày 26/7/2019, hiện con đang chung sống với chị. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung, chị H khai không có.

Đối với anh Phạm Trọng N, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Phạm Trọng N đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân, anh N và chị H chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do anh N không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận. Cũng chính mâu thuẫn trên, chị H xác định không còn tình cảm với anh N và kiên quyết ly hôn, nếu Tòa án giải quyết không cho ly hôn, chị cũng không chung sống với anh N. Từ lẽ đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh N với chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh N là có cơ sở.

[3] Về con chung là Phạm Đình Trọng, sinh ngày 26/7/2019, hiện con đang chung sống với chị H. Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được nuôi và yêu cầu anh N cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, riêng anh N cũng không có ý kiến gì về yêu cầu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho anh N nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trong khi tại tòa, chị H xác định chị có đủ điều kiện nuôi dạy con. Hơn nữa, việc ly hôn giữa anh chị đã phần nào xáo trộn đến cuộc sống bình thường và tâm lý của cháu Trọng. Do đó, cần hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của con trẻ nên tiếp tục giao cháu Trọng cho chị H nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nên yêu cầu của chị H về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị H phải chịu; án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mỹ H về việc xin ly hôn anh Phạm Trọng N.

- Về con chung là Phạm Đình Trọng, sinh ngày 26/7/2019, hiện đang chung sống với chị Trần Mỹ H. Khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Phạm Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Trần Mỹ H khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Về hôn nhân gia đình, chị Trần Mỹ H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 05/10/2022, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002036 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, anh Phạm Trọng N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Hòa T,
thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân